

顺序号	Qty	说明			价格
111001	27	40 SROY	X深 柔顺	C2/C3 厚底绒	
* 111002	73	40 SROY	X深 柔顺	C1/C2	
* 111003	66		2		*
* 111004	59		198 Skins		*
* 111005	73	40 SROY	X深 柔顺	C3/C4	
* 111006	66		2		*
* 111007	48		3		*
* 111008	20		207 Skins		*
111009	34	40 SROY	X深 SIL1	C2/C3	
* 111010	79	40 SROY	X深 轻薄	C1/C2	
* 111011	20		99 Skins		*
* 111012	55	40 SROY	X深 轻薄	C3/C4	
* 111013	30		85 Skins		*
* 111014	79	40 SAGA	X深	C1/C2	
* 111015	72		2		*
* 111016	72		3		*
* 111017	72		4		*
* 111018	72		5		*
* 111019	72		6		*
* 111020	72		7		*

顺序号	Qty	说明	价格
* 111021	72	40 SAGA X深 C1/C2	*
* 111022	72	9	*
* 111023	72	10	*
* 111024	72	11	*
* 111025	72	12	*
* 111026	72	13	*
* 111027	29	972 Skins	*
*****			
* 111028	79	40 SAGA X深 C3/C4	*
* 111029	72	2	*
* 111030	72	3	*
* 111031	72	4	*
* 111032	72	5	*
* 111033	72	6	*
* 111034	72	7	*
* 111035	72	8	*
* 111036	72	9	*
* 111037	72	10	*
* 111038	66	11	*
* 111039	24	817 Skins	*
*****			
* 111040	79	40 SAGA X深 SIL1 C1/C2	*

顺序号	Qty	说明	价格	
* 111041	72	40 SAGA X深 SIL1 C1/C2	*	*
* 111042	72	3	*	*
* 111043	59	282 Skins	*	*
* 111044	79	40 SAGA X深 SIL1 C3/C4	*	*
* 111045	72	2	*	*
* 111046	24	175 Skins	*	*
* 111047	85	40 SAGA X深 轻薄 C1/C2	*	*
* 111048	78	2	*	*
* 111049	72	235 Skins	*	*
* 111050	85	40 SAGA X深 轻薄 C3/C4	*	*
* 111051	56	141 Skins	*	*
* 111052	79	40 IA X深 RUM1 C1/C2	*	*
* 111053	54	133 Skins	*	*
* 111054	79	40 IA X深 RUM1 C3/C4	*	*
* 111055	63	142 Skins	*	*
* 111056	85	40 SI X深 C1/C2	*	*
* 111057	66	2	*	*
* 111058	18	169 Skins	*	*
* 111059	85	40 SI X深 C3/C4	*	*
* 111060	60	2	*	*

顺序号	Qty	说明	价格
* 111061	24	40 X深 C3/C4 SI	*
*****	*****		*****
111062	75	40 X深 C3/C4 SI	
111063	62	40 X深 C1/C2 SI SIL2	
111064	33	40 X深 C3/C4 SI SIL2	
111065	74	40 X深 C2/C3 SI 轻薄	
111066	44	40 X深/深 C1/C2 IB RUM2	
111067	70	40 X深/深 C3/C4 IB RUM2	
*****	*****	40 黑皮 C1/C2 SROY	
* 111068	73		
* 111069	66	2	*
* 111070	66	3	*
* 111071	66	4	*
* 111072	66	5	*
* 111073	66	6	*
* 111074	66	7	*
* 111075	59	528 Skins	*
*****	*****		*****
*****	*****	40 黑皮 C3/C4 SROY	
* 111076	73		
* 111077	66	2	*
* 111078	66	3	*
* 111079	66	4	*
* 111080	66	5	*

顺序号	Qty	说明	价格
* 111081	66	40 黑皮 C3/C4 SROY	*
* 111082	34	437 Skins	*
111083	73	40 黑皮 C1/C2 SROY 轻薄	*
111084	78	40 黑皮 C3/C4 SROY 轻薄	*
* 111085	79	40 黑皮 C1/C2 SAGA	*
* 111086	72	2	*
* 111087	72	3	*
* 111088	72	4	*
* 111089	72	5	*
* 111090	72	6	*
* 111091	72	7	*
* 111092	72	8	*
* 111093	72	9	*
* 111094	72	10	*
* 111095	72	11	*
* 111096	66	12	*
* 111097	24	889 Skins	*
* 111098	79	40 黑皮 C3/C4 SAGA	*
* 111099	72	2	*
* 111100	72	3	*

顺序号	Qty	说明	价格
* 111101	72	40 黑皮 C3/C4 SAGA	*
* 111102	72	5	*
* 111103	72	6	*
* 111104	72	7	*
* 111105	72	8	*
* 111106	72	9	*
* 111107	54	10	*
* 111108	24	733 Skins	*
*****			
* 111109	85	40 黑皮 C1/C2 SAGA 轻薄	*
* 111110	78	2	*
* 111111	78	3	*
* 111112	78	4	*
* 111113	78	5	*
* 111114	78	6	*
* 111115	71	546 Skins	*
*****			
* 111116	85	40 黑皮 C3/C4 SAGA 轻薄	*
* 111117	78	2	*
* 111118	78	3	*
* 111119	78	4	*
* 111120	78	5	*

顺序号	Qty	说明	价格
* 111121	65	40 SAGA 黑皮 轻薄 C3/C4	*
* 111122	79	40 IA 黑皮 RUM1 C1/C2	*
* 111123	51	130 Skins	*
* 111124	79	40 IA 黑皮 RUM1 C3/C4	*
* 111125	74	153 Skins	*
* 111126	85	40 SI 黑皮 C1/C2	*
* 111127	78	2	*
* 111128	78	3	*
* 111129	72	4	*
* 111130	20	333 Skins	*
* 111131	85	40 SI 黑皮 C3/C4	*
* 111132	78	2	*
* 111133	78	3	*
* 111134	78	4	*
* 111135	38	357 Skins	*
* 111136	85	40 SI 黑皮 SIL2 C1/C2	*
* 111137	40	125 Skins	*
* 111138	84	40 SI 黑皮 SIL2 C3/C4	*
* 111139	25	109 Skins	*
111140	83	40 SI 黑皮 轻薄 C1/C2	*

顺序号	Qty	说明			价格
111141	52	40 SI	黑皮 轻薄	C3/C4	
111142	38	40 SROY	中 柔顺	C1/C2	
111143	58	40 SROY	中 柔顺	C3/C4	
* 111144 *	73	40 SROY	中	C1/C2	
* 111145 *	53		126 Skins		*
* 111146 *	73	40 SROY	中	C3/C4	*
* 111147 *	66		2		*
* 111148 *	41		180 Skins		*
111149	28	40 SROY	中 轻薄	C1/C2	
111150	28	40 SROY	中 轻薄	C3/C4	
* 111151 *	79	40 SAGA	中	C1/C2	
* 111152 *	72		2		*
* 111153 *	72		3		*
* 111154 *	72		4		*
* 111155 *	72		5		*
* 111156 *	72		6		*
* 111157 *	28		467 Skins		*
* 111158 *	79	40 SAGA	中	C3/C4	
* 111159 *	72		2		*
* 111160 *	72		3		*



顺序号	Qty	说明	价格	
* 111161	72	40 SAGA 中 C3/C4	*	*
* 111162	72	5	*	*
* 111163	72	6	*	*
* 111164	72	7	*	*
* 111165	71	582 Skins	*	*
* 111166	79	40 SAGA 中 SIL1 C1/C2	*	*
* 111167	72	2	*	*
* 111168	72	3	*	*
* 111169	37	260 Skins	*	*
* 111170	79	40 SAGA 中 SIL1 C3/C4	*	*
* 111171	72	2	*	*
* 111172	72	3	*	*
* 111173	27	250 Skins	*	*
* 111174	85	40 SAGA 中 轻薄 C1/C2	*	*
* 111175	50	135 Skins	*	*
* 111176	85	40 SAGA 中 轻薄 C3/C4	*	*
* 111177	66	151 Skins	*	*
* 111178	73	40 IA 中 RUM1 C1/C2	*	*
* 111179	19	92 Skins	*	*
* 111180	79	40 IA 中 RUM1 C3/C4	*	*

顺序号	Qty	说明		价格
* * 111181 *****	36	40 IA	中 RUM1	C3/C4 * * *****
111182	74	40 SI	中	C1/C2
111183	73	40 SI	中	C3/C4
* * 111184 *	85	40 SI	中 SIL2	C1/C2
* * 111185 *	60		2	* * *
* * 111186 *****	28		173 Skins	* * *****
* * 111187 *	85	40 SI	中 SIL2	C3/C4
* * 111188 *****	44		129 Skins	* * *****
111189	87	40 SI	中 轻薄	C1/C2
* * 111190 *	91	40 SI	中 轻薄	C3/C4
* * 111191 *****	28		119 Skins	* * *****
* * 111192 *	85	40 IB	中 RUM2	C2/C3
* * 111193 *****	15		100 Skins	* * *****

顺序号	Qty	说明	价格	
* 111241	79	30 SROY X深 柔顺 C1/C2		
* 111242	49	128 Skins		*
* 111243	79	30 SROY X深 柔顺 C3/C4		*
* 111244	72	2		*
* 111245	20	171 Skins		*
* 111246	79	30 SROY X深 C1/C2		*
* 111247	72	2		*
* 111248	72	3		*
* 111249	72	4		*
* 111250	72	5		*
* 111251	72	6		*
* 111252	72	7		*
* 111253	64	575 Skins		*
* 111254	79	30 SROY X深 C3/C4		*
* 111255	72	2		*
* 111256	72	3		*
* 111257	72	4		*
* 111258	72	5		*
* 111259	50	417 Skins		*
111260	75	30 SROY X深 轻薄 C1/C2		

顺序号	Qty	说明	价格	
111261	82	30 SROY X深 轻薄 C3/C4		
* 111262	85	* 30 SAGA X深 C1/C2		
* 111263	78	2	*	*
* 111264	78	3	*	*
* 111265	78	4	*	*
* 111266	78	5	*	*
* 111267	78	6	*	*
* 111268	78	7	*	*
* 111269	78	8	*	*
* 111270	78	9	*	*
* 111271	78	10	*	*
* 111272	66	11	*	*
* 111273	25	878 Skins	*	*
* 111274	85	* 30 SAGA X深 C3/C4		
* 111275	78	2	*	*
* 111276	78	3	*	*
* 111277	78	4	*	*
* 111278	78	5	*	*
* 111279	78	6	*	*
* 111280	78	7	*	*

顺序号	Qty	说明	价格
* 111281	78	30 SAGA X深 C3/C4	*
* 111282	85	30 SAGA X深 SIL1 C1/C2	*
* 111283	78	2	*
* 111284	78	3	*
* 111285	38	279 Skins	*
* 111286	85	30 SAGA X深 SIL1 C3/C4	*
* 111287	78	2	*
* 111288	24	187 Skins	*
* 111289	91	30 SAGA X深 轻薄 C1/C2	*
* 111290	84	2	*
* 111291	84	3	*
* 111292	84	4	*
* 111293	84	5	*
* 111294	82	509 Skins	*
* 111295	91	30 SAGA X深 轻薄 C3/C4	*
* 111296	84	2	*
* 111297	25	200 Skins	*
* 111298	85	30 IA X深 RUM1 C1/C2	*
* 111299	78	2	*
* 111300	36	199 Skins	*

顺序号	Qty	说明	价格	
111301	81	30 X深 C3/C4 IA RUM1		
* 111302	91	* 30 X深 C1/C2 * SI		
* 111303	84	* 2	*	*
* 111304	84	* 3	*	*
* 111305	84	* 4	*	*
* 111306	58	* 401 Skins	*	*
* 111307	91	* 30 X深 C3/C4 * SI		
* 111308	84	* 2	*	*
* 111309	84	* 3	*	*
* 111310	79	* 338 Skins	*	*
* 111311	91	* 30 X深 C1/C2 * SI SIL2		
* 111312	48	* 139 Skins	*	*
111313	74	30 X深 C3/C4 SI SIL2		
* 111314	97	* 30 X深 C2/C3 * SI 轻薄		
* 111315	42	* 139 Skins	*	*
* 111316	73	* 30 X深/深 C2/C3 * IA RUM1 厚底绒		
* 111317	36	* 109 Skins	*	*
* 111318	91	* 30 X深/深 C1/C2 * IB RUM2		
* 111319	19	* 110 Skins	*	*
111320	47	30 X深/深 C3/C4 IB RUM2		

顺序号	Qty	说明	价格
* * * * *	* * * * *	<b>30 黑皮 C1/C2</b>	
* 111321	79	<b>SROY</b>	
* * * * *			* * *
* 111322	72	2	* * *
* * * * *			* * *
* 111323	72	3	* * *
* * * * *			* * *
* 111324	72	4	* * *
* * * * *			* * *
* 111325	72	5	* * *
* * * * *			* * *
* 111326	72	6	* * *
* * * * *			* * *
* 111327	72	7	* * *
* * * * *			* * *
* 111328	72	8	* * *
* * * * *			* * *
* 111329	72	9	* * *
* * * * *			* * *
* 111330	72	10	* * *
* * * * *			* * *
* 111331	72	11	* * *
* * * * *			* * *
* 111332	74	873 Skins	* * *
* * * * *	* * * * *		* * * * *
* * * * *	* * * * *	<b>30 黑皮 C3/C4</b>	
* 111333	79	<b>SROY</b>	
* * * * *			* * *
* 111334	72	2	* * *
* * * * *			* * *
* 111335	72	3	* * *
* * * * *			* * *
* 111336	72	4	* * *
* * * * *			* * *
* 111337	72	5	* * *
* * * * *			* * *
* 111338	72	6	* * *
* * * * *			* * *
* 111339	72	7	* * *
* * * * *			* * *
* 111340	72	8	* * *
* * * * *			* * *

顺序号	Qty	说明	价格
* 111341	72	30 黑皮 C3/C4 SROY	*
* 111342	72	10	*
* 111343	72	11	*
* 111344	49	848 Skins	*
111345	31	30 X深/深 C5 SROY	*
* 111346	67	30 X深/深 C2/C3 SROY SIL1	*
* 111347	27	94 Skins	*
* 111348	67	30 黑皮 C1/C2 SROY 轻薄	*
* 111349	24	91 Skins	*
* 111350	67	30 黑皮 C3/C4 SROY 轻薄	*
* 111351	28	95 Skins	*
* 111352	85	30 黑皮 C1/C2 SAGA	*
* 111353	78	2	*
* 111354	78	3	*
* 111355	78	4	*
* 111356	78	5	*
* 111357	78	6	*
* 111358	78	7	*
* 111359	78	8	*
* 111360	78	9	*



顺序号	Qty	说明	价格
* 111361	78	30 黑皮 C1/C2 SAGA	*
* 111362	78	11	*
* 111363	78	12	*
* 111364	78	1021 Skins	*
* 111365	85	30 黑皮 C3/C4 SAGA	*
* 111366	78	2	*
* 111367	78	3	*
* 111368	78	4	*
* 111369	78	5	*
* 111370	78	6	*
* 111371	78	7	*
* 111372	78	8	*
* 111373	78	9	*
* 111374	78	10	*
* 111375	23	810 Skins	*
* 111376	67	30 X深/深 C5 SAGA	*
* 111377	21	88 Skins	*
* 111378	85	30 黑皮 C1/C2 SAGA SIL1	*
* 111379	78	2	*
* 111380	78	3	*

顺序号	Qty	说明	价格
* 111381	78	30 SAGA 黑皮 SIL1 C1/C2	*
* 111382	78	5	*
* 111383	72	6	*
* 111384	29	498 Skins	*
*****			
* 111385	85	30 SAGA 黑皮 SIL1 C3/C4	*
* 111386	78	2	*
* 111387	78	3	*
* 111388	78	4	*
* 111389	43	362 Skins	*
*****			
* 111390	85	30 SAGA 黑皮 轻薄 C1/C2	*
* 111391	78	2	*
* 111392	78	3	*
* 111393	78	4	*
* 111394	78	5	*
* 111395	78	6	*
* 111396	78	7	*
* 111397	78	8	*
* 111398	78	9	*
* 111399	78	10	*
* 111400	78	11	*

顺序号	Qty	说明	价格
* 111401	28	30 SAGA 黑皮 轻薄 C1/C2	*
* 111402	85	30 IA 黑皮 RUM1 C1/C2	*
* 111403	78	2	*
* 111404	78	3	*
* 111405	64	305 Skins	*
* 111406	85	30 IA 黑皮 RUM1 C3/C4	*
* 111407	40	125 Skins	*
* 111408	91	30 SI 黑皮 C1/C2	*
* 111409	84	2	*
* 111410	84	3	*
* 111411	84	4	*
* 111412	84	5	*
* 111413	84	6	*
* 111414	84	7	*
* 111415	84	8	*
* 111416	84	9	*
* 111417	63	826 Skins	*
* 111418	91	30 SI 黑皮 C3/C4	*
* 111419	84	2	*
* 111420	84	3	*

OM20 2019 - 2020

芬兰貉子

已认证

顺序号	Qty	说明	价格	
* 111421	84	30 黑皮 C3/C4 SI	*	*
* 111422	84	5	*	*
* 111423	84	6	*	*
* 111424	84	7	*	*
* 111425	84	8	*	*
* 111426	20	699 Skins	*	*
*****				
* 111427	91	30 黑皮 C1/C2 SI SIL2		
* 111428	84	2	*	*
* 111429	84	3	*	*
* 111430	38	297 Skins	*	*
*****				
* 111431	91	30 黑皮 C3/C4 SI SIL2		
* 111432	33	124 Skins	*	*
*****				
* 111433	97	30 黑皮 C1/C2 SI 轻薄		
* 111434	84	181 Skins	*	*
*****				
111435	77	30 黑皮 C3/C4 SI 轻薄		
*****				
* 111436	79	30 中 C1/C2 SROY		
* 111437	72	2	*	*
* 111438	72	3	*	*
* 111439	68	291 Skins	*	*
*****				
* 111440	79	30 中 C3/C4 SROY		

顺序号	Qty	说明	价格
* 111441	72	30 中 C3/C4 SROY	*
* 111442	72	3	*
* 111443	72	4	*
* 111444	74	369 Skins	*
*****			
* 111445	85	30 中 C1/C2 SAGA	*
* 111446	78	2	*
* 111447	78	3	*
* 111448	78	4	*
* 111449	78	5	*
* 111450	78	6	*
* 111451	78	7	*
* 111452	78	8	*
* 111453	78	9	*
* 111454	78	10	*
* 111455	54	841 Skins	*
*****			
* 111456	96	30 中 C1/C2 SAGA	*
* 111457	96	2	*
* 111458	96	3	*
* 111459	96	4	*
* 111460	96	5	*

顺序号	Qty	说明	价格	
* * 111461 *	96	30 中 C1/C2 SAGA	*	
* * 111462 *	90	7	*	
* * 111463 *****	22	688 Skins	*	
* * 111464 *	85	30 中 C3/C4 SAGA	*	
* * 111465 *	78	2	*	
* * 111466 *	78	3	*	
* * 111467 *	78	4	*	
* * 111468 *	78	5	*	
* * 111469 *	78	6	*	
* * 111470 *	78	7	*	
* * 111471 *	78	8	*	
* * 111472 *	78	9	*	
* * 111473 *	78	10	*	
* * 111474 *	78	11	*	
* * 111475 *	78	12	*	
* * 111476 *****	58	1001 Skins	*	
* * 111477 *	85	30 中 C1/C2 SAGA SIL1	*	
* * 111478 *	78	2	*	
* * 111479 *****	49	212 Skins	*	
* * 111480 *	85	30 中 C3/C4 SAGA SIL1	*	

顺序号	Qty	说明	价格	
* 111481	78	30 SAGA 中 SIL1 C3/C4	*	*
* 111482	58	221 Skins	*	*
* 111483	91	30 SAGA 中 轻薄 C1/C2	*	*
* 111484	84	2	*	*
* 111485	84	3	*	*
* 111486	84	4	*	*
* 111487	84	5	*	*
* 111488	84	6	*	*
* 111489	28	539 Skins	*	*
* 111490	91	30 SAGA 中 轻薄 C3/C4	*	*
* 111491	84	2	*	*
* 111492	84	3	*	*
* 111493	84	4	*	*
* 111494	84	5	*	*
* 111495	84	6	*	*
* 111496	45	556 Skins	*	*
111497	91	30 SAGA 中 轻薄 C3/C4		
* 111498	85	30 IA 中 RUM1 C1/C2		
* 111499	65	150 Skins	*	*
111500	85	30 IA 中 RUM1 C3/C4		

顺序号	Qty	说明	价格
* * * * *	* * * * *	<b>30 中 C1/C2</b>	
* 111501	91	<b>SI</b>	
* * * * *			* * * * *
* 111502	84	2	* * *
* * * * *			* * *
* 111503	84	3	* * *
* * * * *			* * *
* 111504	84	4	* * *
* * * * *			* * *
* 111505	84	5	* * *
* * * * *			* * *
* 111506	84	6	* * *
* * * * *			* * *
* 111507	84	7	* * *
* * * * *			* * *
* 111508	21	616 Skins	* * *
* * * * *	* * * * *		* * * * *
* * * * *	* * * * *	<b>30 中 C3/C4</b>	
* 111509	91	<b>SI</b>	
* * * * *			* * * * *
* 111510	84	2	* * *
* * * * *			* * *
* 111511	84	3	* * *
* * * * *			* * *
* 111512	84	4	* * *
* * * * *			* * *
* 111513	84	5	* * *
* * * * *			* * *
* 111514	84	6	* * *
* * * * *			* * *
* 111515	84	7	* * *
* * * * *			* * *
* 111516	26	621 Skins	* * *
* * * * *	* * * * *		* * * * *
111517	69	<b>30 中 C3/C4</b>	
		<b>SI</b>	
* * * * *	* * * * *	<b>30 中 C1/C2</b>	
* 111518	91	<b>SI SIL2</b>	
* * * * *			* * * * *
* 111519	84	2	* * *
* * * * *			* * *
* 111520	84	3	* * *
* * * * *			* * *



顺序号	Qty	说明			价格
* 111521	72	30 SI	中 SIL2	C1/C2	* * *****
* 111522	91	30 SI	中 SIL2	C3/C4	* * *****
* 111523	84		2		* * *****
* 111524	37		212 Skins		* * *****
* 111525	97	30 SI	中 轻薄	C1/C2	* * *****
* 111526	68		165 Skins		* * *****
* 111527	97	30 SI	中 轻薄	C3/C4	* * *****
* 111528	64		161 Skins		* * *****
* 111529	91	30 IB	中/浅 RUM2	C2/C3	* * *****
* 111530	25		116 Skins		* * *****
111531	35	30 SROY	中/浅 柔顺	C2/C3 厚底绒	* * *****
* 111532	79	30 SROY	中/浅 柔顺	C1/C2	* * *****
* 111533	15		94 Skins		* * *****
* 111534	79	30 SROY	中/浅 柔顺	C3/C4	* * *****
* 111535	24		103 Skins		* * *****
111536	57	30 SROY	浅	C1/C2	* * *****
111537	67	30 SROY	浅	C3/C4	* * *****
111538	47	30 SROY	中/浅 SIL1	C2/C3	* * *****
111539	47	30 SROY	中/浅 轻薄	C1/C2	* * *****
111540	66	30 SROY	中/浅 轻薄	C3/C4	* * *****

顺序号	Qty	说明	价格	
111541	92	30 浅 C3/C4 SROY		
* 111542	85	* 30 浅 C1/C2 * SAGA		
* 111543	56	* 141 Skins	*	*
* 111544	103	* 30 浅 C1/C2 * SAGA		
* 111545	96	* 2	*	*
* 111546	96	* 295 Skins	*	*
* 111547	85	* 30 浅 C3/C4 * SAGA		
* 111548	78	* 2	*	*
* 111549	78	* 3	*	*
* 111550	61	* 302 Skins	*	*
111551	70	30 中/浅 C5 SAGA		
111552	80	30 浅 C1/C2 SAGA SIL1		
111553	65	30 浅 C3/C4 SAGA SIL1		
* 111554	91	* 30 浅 C1/C2 * SAGA 轻薄		
* 111555	84	* 2	*	*
* 111556	31	* 206 Skins	*	*
* 111557	91	* 30 浅 C3/C4 * SAGA 轻薄		
* 111558	84	* 2	*	*
* 111559	21	* 196 Skins	*	*
111560	96	30 浅 C3/C4 SAGA 轻薄		

顺序号	Qty	说明			价格
111561	76	30 IA	中/浅 RUM1	C2/C3 厚底绒	
* 111562	67	30 IA	中/浅 RUM1	C2/C3	
* 111563	25		92 Skins		*
111564	69	30 IA	浅 RUM1	C2/C3	
* 111565	91	30 SI	浅	C1/C2	
* 111566	84		2		*
* 111567	84		3		*
* 111568	76		335 Skins		*
* 111569	91	30 SI	浅	C3/C4	
* 111570	84		2		*
* 111571	84		3		*
* 111572	22		281 Skins		*
* 111573	91	30 SI	浅 SIL2	C1/C2	
* 111574	86		177 Skins		*
* 111575	85	30 SI	浅 SIL2	C3/C4	
* 111576	19		104 Skins		*
* 111577	97	30 SI	浅 轻薄	C1/C2	
* 111578	38		135 Skins		*
111579	82	30 SI	浅 轻薄	C3/C4	
* 111580	97	30 II	全部	C2/C3	

OM20 2019 - 2020

芬兰貉子

已认证

顺序号	Qty	说明	价格
* * 111581 *****	74 *****	30 全部 C2/C3 II	* * *****

顺序号	Qty	说明	价格	
* 111641	85	20 SROY X深 C1/C2		
* 111642	58	143 Skins		*
* 111643	79	20 SROY X深 C3/C4		*
* 111644	25	104 Skins		*
* 111645	91	20 SAGA X深 C1/C2		*
* 111646	84	2		*
* 111647	84	3		*
* 111648	84	4		*
* 111649	27	370 Skins		*
* 111650	91	20 SAGA X深 C3/C4		*
* 111651	84	2		*
* 111652	67	242 Skins		*
111653	95	20 SAGA X深 C1/C2 SIL1		
111654	65	20 SAGA X深 C3/C4 SIL1		
* 111655	97	20 SAGA X深 C1/C2 轻薄		
* 111656	90	2		*
* 111657	31	218 Skins		*
* 111658	73	20 SAGA X深 C3/C4 轻薄		
* 111659	25	98 Skins		*
* 111660	103	20 SI X深 C1/C2		

顺序号	Qty	说明			价格
* 111661	54	20 SI	X深	C1/C2	*
*****					
111662	89	20 SI	X深	C3/C4	
111663	59	20 IA	X深/深 RUM1	C2/C3 厚底绒	
* 111664	79	20 SROY	X深/深 柔顺	C1/C2	*
* 111665	25		104 Skins		*
*****					
* 111666	67	20 SROY	X深/深 柔顺	C3/C4	*
* 111667	25		92 Skins		*
*****					
111668	33	20 SROY	X深/深 SIL1	C2/C3	
* 111669	91	20 SROY	X深/深 轻薄	C1/C2	*
* 111670	34		125 Skins		*
*****					
111671	77	20 SROY	X深/深 轻薄	C3/C4	
111672	39	20 SROY	X深/深 柔顺	C2/C3 厚底绒	
* 111673	91	20 IA	X深/深 RUM1	C2/C3	*
* 111674	74		165 Skins		*
*****					
* 111675	103	20 SI	X深/深 SIL2	C1/C2	*
* 111676	96		2		*
* 111677	84		3		*
* 111678	24		307 Skins		*
*****					
111679	93	20 SI	X深/深 SIL2	C3/C4	
* 111680	103	20 SI	X深/深 轻薄	C1/C2	*

顺序号	Qty	说明	价格
* 111681	24	20 X深/深 C1/C2 SI 轻薄	*
111682	77	20 X深/深 C3/C4 SI 轻薄	*
111683	78	20 X深/深 C2/C3 IB RUM2	*
* 111684	85	20 黑皮 C1/C2 SROY	*
* 111685	79	164 Skins	*
* 111686	85	20 黑皮 C3/C4 SROY	*
* 111687	60	2	*
* 111688	26	171 Skins	*
* 111689	91	20 黑皮 C1/C2 SAGA	*
* 111690	84	2	*
* 111691	84	3	*
* 111692	66	4	*
* 111693	27	352 Skins	*
* 111694	91	20 黑皮 C3/C4 SAGA	*
* 111695	84	2	*
* 111696	84	3	*
* 111697	84	4	*
* 111698	54	397 Skins	*
* 111699	85	20 黑皮 C1/C2 SAGA SIL1	*
* 111700	25	110 Skins	*

顺序号	Qty	说明	价格	
* 111701	91	20 SAGA 黑皮 SIL1 C3/C4		
* 111702	45	136 Skins		*
* 111703	97	20 SAGA 黑皮 轻薄 C1/C2		*
* 111704	90	2		*
* 111705	90	3		*
* 111706	75	352 Skins		*
* 111707	97	20 SAGA 黑皮 轻薄 C3/C4		*
* 111708	90	2		*
* 111709	77	264 Skins		*
* 111710	103	20 SI 黑皮 C1/C2		*
* 111711	96	2		*
* 111712	96	3		*
* 111713	62	357 Skins		*
* 111714	103	20 SI 黑皮 C3/C4		*
* 111715	96	2		*
* 111716	75	274 Skins		*
111717	61	20 SROY 中 柔顺 C2/C3		
111718	69	20 SROY 中 C1/C2		
* 111719	70	20 SROY 中 C3/C4		
* 111720	23	93 Skins		*



顺序号	Qty	说明	价格	
111721	48	20 SROY 中 轻薄 C2/C3		
* 111722	91	20 SAGA 中 C1/C2		
* 111723	75	166 Skins	*	*
* 111724	91	20 SAGA 中 C3/C4	*	*
* 111725	84	2	*	*
* 111726	39	214 Skins	*	*
* 111727	91	20 SAGA 中 SIL1 C2/C3		
* 111728	45	136 Skins	*	*
* 111729	97	20 SAGA 中 轻薄 C1/C2		
* 111730	90	2	*	*
* 111731	60	247 Skins	*	*
* 111732	97	20 SAGA 中 轻薄 C3/C4		
* 111733	91	188 Skins	*	*
111734	70	20 IA 中 RUM1 C2/C3		
* 111735	103	20 SI 中 C1/C2		
* 111736	96	2	*	*
* 111737	84	3	*	*
* 111738	25	308 Skins	*	*
* 111739	103	20 SI 中 C3/C4		
* 111740	96	2	*	*

顺序号	Qty	说明			价格
* * 111741 *****	97	20 SI	中	C3/C4	* * *****
* * 111742 *****	103	20 SI	中 SIL2	C1/C2	
* * 111743 *****	89		2		* * *
* * 111744 *****	24		216 Skins		* * *****
111745	106	20 SI	中 SIL2	C3/C4	
111746	65	20 SI	中 轻薄	C1/C2	
111747	68	20 SI	中 轻薄	C3/C4	
111748	37	20 IB	中 RUM2	C2/C3	
111749	64	20 II	全部	C2/C3	

OM20 2019 - 2020

芬兰貉子

已认证 等外皮

顺序号	Qty	说明	价格	
111801	31	40 (S) 全部 MLD5 C2/C3		
111802	24	30 (S) 全部 MLD5 C2/C3		